

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường

Ngày	Chỉ số	CK tăng giá	CK giảm giá	CK đứng giá
1/15	6.80	223	125	49
1/14	1.35	185	142	70
1/13	(6.23)	144	204	49
1/12	7.39	200	128	69
1/11	17.20	213	113	71
1/8	11.20	204	127	66

■ CK tăng giá ■ CK giảm giá ■ CK đứng giá

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

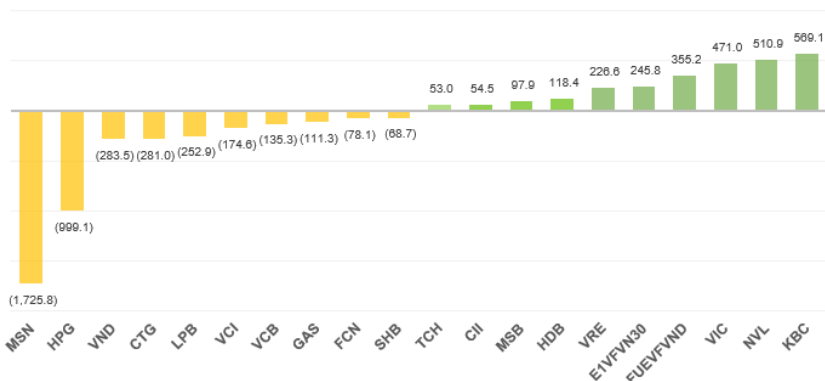
FUEVFNVD	43.9
NVL	37.2
SSI	37.2
STB	32.1
SBT	25.8
VJC	25.0
SHS	23.3
HCM	22.7
VRE	21.1
HDB	17.6
DHC	12.3
VIC	(24.9)
VCB	(29.8)
PLX	(32.7)
VCI	(37.3)
VND	(52.0)
GAS	(77.4)
CTG	(86.8)
HPG	(164.6)
MSN	(1,702.1)

Thị trường phiên cuối tuần đạt mức thanh khoản rất cao lên đến hơn 16,100 tỷ sàn HOSE nhưng điều bất ngờ là hệ thống lệnh giao dịch khá trơn tru và đạt sự thông suốt ổn định. STB là cổ phiếu có mức giao dịch lớn nhất đến gần 52 triệu cổ phiếu chuyển nhượng. giá của STB cũng lần đầu bứt phá khỏi vùng giá 20 là lên thẳng 21.1. Một số cổ phiếu HPG, TCB, DXG, MBB cũng đạt mức giao dịch rất lớn trong ngày. Riêng DXG có giao dịch đột biến đến 33 triệu cổ phiếu và giảm mạnh -4.7%.

Cổ phiếu ngân hàng trong ngày hầu hết đều tăng điểm trừ VCB. Tăng nhiều nhất trong nhóm ngân hàng là STB, ABB, LPB, BAB và HDB. Rõ ràng nhóm cổ phiếu blue chip dẫn dắt thị trường trong ngày có sự đóng góp rất lớn từ các mã ngân hàng mà điển hình là to đầu STB, HDB, TPB và HDB bên cạnh SSI và VHM.

Ngoài nhóm ngân hàng thì dầu khí cũng có nhiều cổ phiếu tăng tốt như PVD dư mua trần cùng với PGD, PVB, PVS, PMG. Trừ GAS giảm nhẹ là khác biệt lớn nhất trong nhóm dầu khí.

Khối ngoại bán ròng 2,115 tỷ trong ngày trong đó riêng MSN bán ròng thỏa thuận hơn 1,700 tỷ. Đây là phiên bán ròng nhiều nhất trong 2 tháng qua. Tính chung cả tuần khối ngoại có 4 phiên bán ròng với tổng cộng hơn 2,200 tỷ. Một số cổ phiếu mua ròng trong tuần nhiều nhất có KBC, NVL, VIC, VRE và HDB.



Vnindex 1,194.2

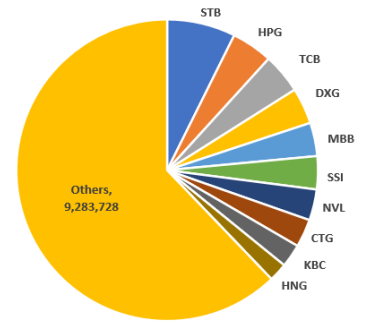
▲ +6.8 (+0.57%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
STB	21.1	1,000	4.98
SSI	37.0	1,600	4.53
HDB	27.9	1,100	4.10
TPB	28.7	1,050	3.80
TCB	36.9	1,100	3.08
VHM	101.6	2,000	2.01
ACB	30.3	400	1.34
MBB	26.8	350	1.33
VIB	35.7	450	1.28
VPB	37.3	450	1.22
POW	14.4	150	1.06
REE	53.5	500	0.94
CTG	39.5	350	0.89
VJC	131.8	1,100	0.84
MSN	93.0	700	0.76
VIC	111.2	800	0.72
VNM	113.9	800	0.71
PNJ	82.5	400	0.49
FPT	66.6	200	0.30
VRE	36.7	100	0.27
HVN	30.9	50	0.16
HPG	44.5	50	0.11
BID	48.9	-	-
MWG	127.8	(100)	(0.08)
PLX	56.0	(200)	(0.36)
GAS	91.6	(500)	(0.54)
BCM	51.7	(300)	(0.58)
VCB	103.2	(700)	(0.67)
GVR	32.4	(250)	(0.77)
DHG	108.0	(900)	(0.83)
BVH	69.4	(600)	(0.86)
PDR	55.3	(700)	(1.25)
SAB	200.5	(4,500)	(2.20)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Chỉ số Vnindex tiếp tục có 1 tuần tăng điểm rất tốt dù có vài rung lắc nhỏ như phiên giảm điểm hôm thứ 4. Chỉ số Index đã tiệm cận lại mốc 1200 sau khi kiểm được gần 30 điểm trong tuần. Về tín hiệu kỹ thuật thì nhiều cổ phiếu blue chip vẫn đang ở cùng quá mua. Chỉ số RSI bình quân vẫn đang ở mức khá cao trên 70 cùng với PE bình quân thị trường ở mức 19.7.

Nhờ dòng tiền mạnh đổ vào thị trường liên tục vì vậy áp lực mua luôn ở trạng thái dồi dào hơn so với lực bán và gần như có hiện tượng chung là nhà đầu tư bán ra sẽ bị mất lợi thế vì cổ phiếu sau đó thường tăng trở lại. Hiện tại mọi thông tin đang hỗ trợ thị trường vì vậy các phiên điều chỉnh vẫn là cơ hội để tích lũy cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn đáng quan tâm nhất đặc biệt ở nhóm cổ phiếu MBB, VCB, CTG, HDB, STB, VPB. Bên cạnh nhóm cổ phiếu khu công nghiệp và một số cổ phiếu đầu ngành khác như HPG, HSG, MWG, GVR, PNJ, DGW, D2D, PHR, SZC, HDG, HBC

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Lãi / Lỗ	Ngày đưa vào DM
GAS	91.6	(1.20)	75	95	Mua quanh 85. Mục tiêu 95	7.0%	12/7/2020
PNJ	82.5	0.10	65	85	Mua quanh 70-72. Mục tiêu 80-85	13.0%	11/11/2020
VCB	103.2	(1.50)	80	110	Nắm giữ	24.5%	10/28/2020
HPG	44.5	4.10	28	50	Nắm giữ	45.4%	10/28/2020
HBC	17.1	0.60	12.5	18	Mua quanh 14. Mục tiêu 18	33.6%	11/29/2020
MWG	127.8	4.90	90	130	Mua quanh 110-115. Mục tiêu 130	10.2%	12/25/2020
PHR	70.3	7.30	50	70	Nắm giữ.	30.2%	10/30/2020
D2D	63.8	(0.80)	50	70	Mua quanh 55. Mục tiêu 70	16.0%	12/7/2020
FPT	66.6	5.20	46	70	Mua quanh 50-51. Mục tiêu 70	30.8%	10/28/2020
HSG	25.3	5.00	14	27	Nắm giữ. Mục tiêu nâng lên 27	70.9%	10/28/2020
STB	21.1	8.80	11	22	Mua quanh 12.5-13. Nâng mục tiêu 22	57.5%	10/30/2020
GEX	23.9	1.90	21	28	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 27	3.0%	12/30/2020
GVR	32.4	11.70	11.5	35	Nắm giữ	140.0%	10/28/2020
DXG	17.4	1.50	11	22	Mua quanh 12 Mục tiêu 22	34.9%	11/6/2020
NKG	16.2	1.90	14	22	Mua quanh 16. Mục tiêu 22	1.3%	1/5/2021

(**bhb** **es a**) Với các vị thế chạm mục tiêu ngắn hạn, nhà đầu tư nếu kỳ vọng có thể tiếp tục nắm giữ hoặc hiện thực hóa lợi nhuận ½)

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TDG	6.77
SMC	6.77
SGT	6.77
PVD	6.79
FTM	6.81
SAM	6.82
VOS	6.82
LAF	6.86
RIC	6.86
PXT	6.87
TSC	6.87
DHC	6.88
TCM	6.90
TNT	6.90
HAX	6.94
MCG	6.96
CIG	6.97
HU1	6.97
PVT	6.98
DIC	10.00
LMH	11.11
KSH	11.76
HTT	12.50

Top tăng giá HNX

VIT	9.38
KSQ	9.52
PSI	9.59
HBS	9.80
PPE	9.80
VHE	9.80
GKM	9.88
ASA	10.00
NVB	10.00
LCS	10.00
WSS	10.00
KHB	10.00
VE3	10.00
DNY	10.53
QNC	11.67
PVE	12.50
DID	13.98
PVX	15.00
NDF	16.67
NHP	20.00
SGO	25.00
SPP	25.00

KPF - CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh - Ngày 19/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và thực hiện quyền mua cổ phiếu, ngày đăng ký cuối cùng là 20/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới). Quyền mua cổ phiếu thêm theo tỷ lệ 1:2, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

DNH - CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi - Thông báo về việc tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền với tỷ lệ 14%, tương ứng 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.400 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức là ngày 22/1 và thời gian thanh toán dự kiến từ ngày 22/2/2021.

DSN - Công ty cổ phần Công viên nước Đầm Sen - Năm 2020 đạt 84,2 tỷ đồng, giảm 61,6% so với thực hiện trong năm 2019 và hoàn thành được 39,16% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 41,2 tỷ đồng – thấp nhất trong vòng 10 năm qua.

Năm 2021 lên 2 kịch bản kinh doanh: Kịch bản 1, năm 2021 doanh thu là 157 tỷ đồng, tăng 86,5% so với thực hiện năm 2020 và tỷ lệ cổ tức tối thiểu cho cổ đông là 36%; Kịch bản 2, năm 2021 doanh thu là 97 tỷ đồng, tăng 15,2% so với thực hiện trong năm 2020 và tỷ lệ cổ tức tối thiểu là 15%.

VGC - Tổng công ty Viglacera - Thông báo năm 2020 thực hiện được 863 tỷ đồng lãi trước thuế hợp nhất và riêng công ty mẹ ghi nhận 732 tỷ đồng. So với năm 2019, lợi nhuận hợp nhất giảm 11% và công ty mẹ tăng 3%.

C4G - CTCP Tập đoàn Cienco4 – Đã thông qua về việc góp vốn thành lập CTCP Phúc Thành Hưng để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt thuộc cao tốc Bắc - Nam phía Đông. Số tiền góp vốn của Công ty là 153,4 tỷ đồng, tương đương 15% vốn điều lệ.

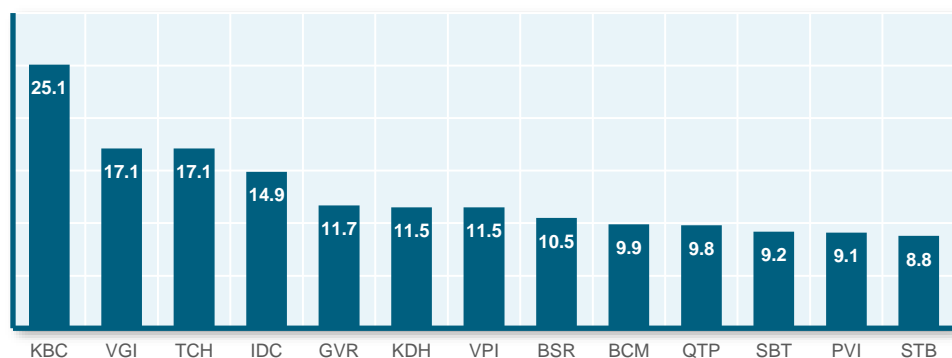
TAC - CTCP Dầu thực vật Tường An – Đã thông báo kết quả kinh doanh năm 2020 với doanh thu thuần 5.247 tỷ đồng, tăng 27% so với thực hiện năm 2019, lợi nhuận sau thuế 177 tỷ đồng, tăng 30%.

S4A - CTCP Thủy điện Sê San 4 - Ngày 21/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 22/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 03/2/2021.

APH - CTCP Tập đoàn An Phát Holdings – Đã thông qua việc góp vốn 90 tỷ đồng thành lập CTCP Sản xuất PBAT An Phát, tương đương tỷ lệ sở hữu 90%/vốn Công ty mới.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

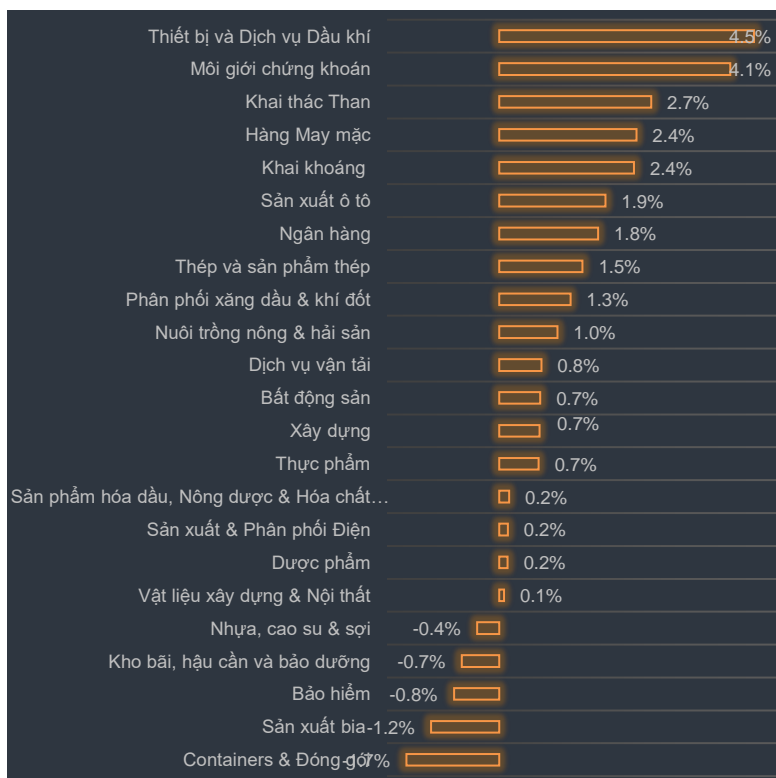
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ năm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	103.2	1,099,800	22.3	4.1	276,100	564,000	382,756	23.76	4,630	25,200
VIB	HOSE	35.7	824,200	8.0	2.7	200	600	39,550	20.22	4,490	13,340
TPB	HOSE	28.7	8,547,500	6.6	1.6	71,100	-	29,609	29.99	4,350	18,280
VPB	HOSE	37.3	4,658,200	9.0	1.8	167,000	181,900	91,439	22.77	4,150	20,260
HDB	HOSE	27.9	7,103,500	8.0	1.5	1,342,000	709,700	44,466	17.35	3,490	19,140
TCB	HOSE	36.9	17,357,400	11.6	1.9	39,810	39,810	129,156	22.49	3,180	19,620
ACB	HNX	30.3	8,184,100	9.8	2.0	-	-	65,387	30.00	3,090	15,230
MBB	HOSE	26.8	19,922,700	9.0	1.5	2,128,900	2,258,100	74,867	23.00	2,990	18,140
CTG	HOSE	39.5	11,321,800	13.4	1.8	915,800	3,100,300	147,074	28.82	2,950	22,230
BID	HOSE	48.9	2,404,700	23.0	2.5	38,600	437,100	196,476	17.40	2,130	19,450
LPB	UPCOM	15	16,530,300	8.7	1.1	502,300	733,400	16,066	3.13	1,720	14,090
SHB	HNX	19.2	59,202,831	12.4	1.4	12,100	10,900	33,702	7.26	1,550	13,600
ABB	HOSE	14.1	3,513,332	9.4	1.0	-	-	8,055	-	1,500	14,770
STB	HOSE	21.1	51,692,600	16.0	1.3	1,722,300	212,900	38,057	9.39	1,320	15,640
MSB	HOSE	20.1	6,096,800	15.7	1.5	12,900	34,700	21,543	30.00	1,280	13,750
BAB	HNX	22.5	100	27.8	1.9	-	-	15,941	-	810	11,570
EIB	HOSE	22	526,700	31.4	1.6	-	8,000	27,048	30.00	700	13,500
NVB	HNX	13.2	2,716,217	120.0	1.3	634,700	6,500	5,370	7.56	110	10,400
KLB	UPCOM	19.8	114,633		1.6	-	5,000	6,334	-		12,210
			221,817,413	20.11	1.79	7,863,810	8,302,910	1,361,193		2,469	16,338



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	HDG	HOSE	25/01/2021	26/01/2021	10/3/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	IBD	UPCoM	25/01/2021	26/01/2021	8/2/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TN1	HOSE	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:9, giá 28,500 đồng/CP	Phát hành thêm
4	S4A	HOSE	21/01/2021	22/01/2021	3/2/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	BCG	HOSE	21/01/2021	22/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
6	HIG	UPCoM	21/01/2021	22/01/2021	4/2/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VNF	HNX	20/01/2021	21/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:2, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
8	TNG	HNX	20/01/2021	21/01/2021	3/2/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DNW	UPCoM	20/01/2021	21/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
10	NVL	HOSE	20/01/2021	21/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 89:7, giá 59,200 đồng/CP	Phát hành thêm
11	KPF	HOSE	19/01/2021	20/01/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	KPF	HOSE	19/01/2021	20/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:2, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
13	BSH	UPCoM	19/01/2021	20/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	HVH	HOSE	19/01/2021	20/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100000:68337, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	TRA	HOSE	19/01/2021	20/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PHN	HNX	19/01/2021	20/01/2021	2/2/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VDS	HOSE	18/01/2021	19/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	FMC	HOSE	18/01/2021	19/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	FMC	HOSE	18/01/2021	19/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 5:1, giá 25,000 đồng/CP	Phát hành thêm
20	SDN	HNX	15/01/2021	18/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	SAM	HOSE	15/01/2021	18/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10000:3645, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
22	STC	HNX	15/01/2021	18/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	XDH	UPCoM	15/01/2021	18/01/2021	25/01/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	EVG	HOSE	15/01/2021	18/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:3, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
25	NBT	UPCoM	15/01/2021	18/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	ICT	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TIP	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	HU1	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: AMD, HQC, CCL

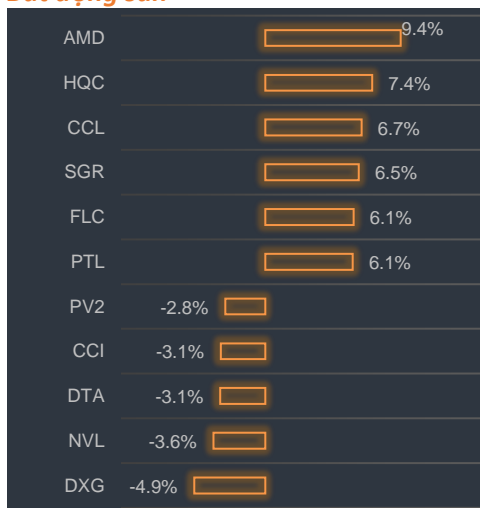
Xây dựng: KDM, PXT, HUT

Dầu khí: PMG, PGD, PVD

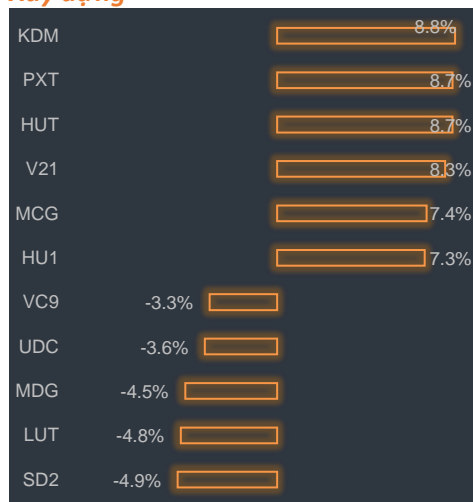
Chứng khoán: WSS, HBS, PSI

Ngân hàng: NVB, STB, ABB

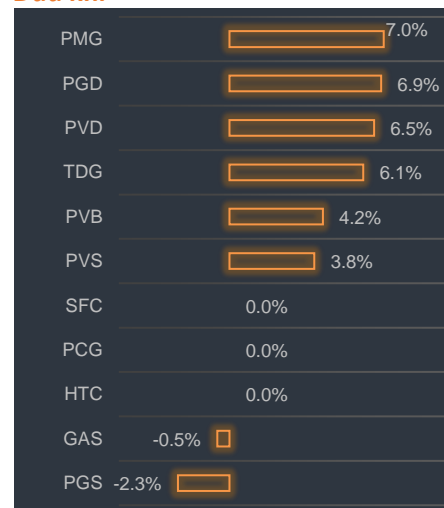
Bất động sản



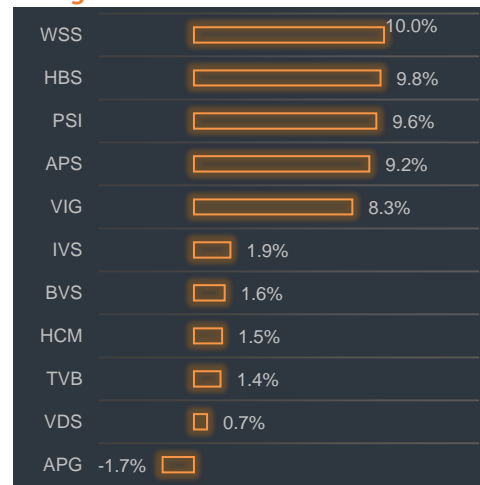
Xây dựng



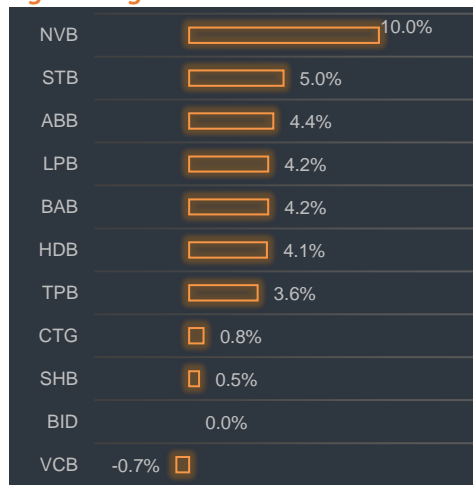
Dầu khí



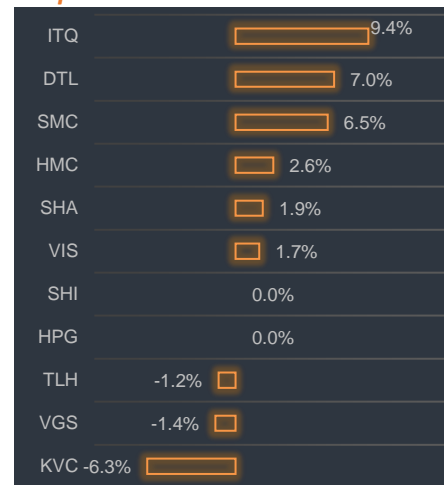
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931